

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thái và ông Vũ Văn Quỳnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông L Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 143/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vì Văn H**, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (*hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an tỉnh Đ*) - Có mặt;

Bị đơn: Bà **Lò Thị L**, sinh năm 1985, địa chỉ: Bản N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Vì Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Vì Văn H và bà Lò Thị L tự nguyện kết hôn; có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu tại bản Khá, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên và đã sinh được 02 con chung. Từ cuối năm 2020 bà L thường xuyên bỏ về bên ngoài ở bản N, xã N, thành phố Đ; bà L đi đâu, làm gì không nói cho ông H biết, đi về tự do; nếu ông H

nói thì hai bên lại to tiếng cãi chửi nhau. Ông H cho rằng bà L đã chê ông H, không muốn ở với ông H nữa. Nay vợ chồng không còn hạnh phúc, ông H không muốn có gì ràng buộc với bà L nữa, nên xin ly hôn và từ chối H giải với bà L.

Ông H đang bị tạm giam tại Công an thành phố Điện Biên Phủ, trước khi bị tạm giam ông H đã làm đơn ly hôn nhưng chưa nộp. Đơn ly hôn sau này có xác nhận của Công an thành phố Điện Biên Phủ, ông H nhờ gia đình gửi qua đường bưu điện cho Tòa án và có nhờ gia đình nộp tạm ứng án phí hộ.

Về con: Ông H và bà L có 02 con chung là: Vì Văn H - sinh ngày 18/4/2002 và Vì Văn Th - sinh ngày 22/6/2007. Cháu H đã đủ tuổi thành niên, khỏe mạnh và phát triển bình thường, nên khi ly hôn ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu H. Còn cháu Vì Văn Th - sinh ngày 22/6/2007, hiện đang sinh sống cùng bà nội; nay ông H đang bị tạm giam nên đề nghị Tòa án giao cháu Th cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, khi về ông H sẽ yêu cầu thay đổi sau.

Về tài sản và nợ: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bà Lò Thị L không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, H giải và các phiên tòa.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn; giao con chung là Vì Văn Th cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con vì nguyên đơn đang bị tạm giam, bị đơn không có ý kiến gì; mặt khác thực tế cháu Th hiện cũng đang sinh sống cùng bà nội. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết và việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 18/8/2022 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nhận qua đường bưu điện đơn khởi kiện của ông Vì Văn H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" đối với bà Lò Thị L; đơn có xác nhận của Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên về việc ông H đang bị tạm giam tại Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông H và bà L đều có địa chỉ cư trú tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; ngày 29/8/2022 người đại diện theo ủy quyền của ông H nộp cho Tòa án biên lai thu tạm ứng án phí; ngày 30/8/2022 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện

của ông H theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (*sau đây ghi tắt BLTTDS*).

- Các vấn đề khác: Bà L không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân:

Ông Vi Văn H - sinh năm 1984 và bà Lò Thị L - sinh năm 1985, tự nguyện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 16/8/2007; khi đăng ký kết hôn ông L và bà H đều đã hơn 20 tuổi, đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm kết hôn quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (*có hiệu lực ở thời điểm kết hôn*); nên hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo ông H thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân là do bà L thường xuyên về nhà bố mẹ bà L tại bản N, xã N, thành phố Đ; bà L đi đâu, làm gì đều không nói cho ông H biết, cũng vì vậy hai bên thường xảy ra xô xát. Ông H xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, nhưng bà L không có văn bản trả lời, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H giải mà không có lý do chính đáng, ông H đề nghị không tiến hành H giải; vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành H giải được theo Điều 207 BLTTDS. Ông H và bà L có con chung là Vi Văn Th chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông H và bà L theo Điều 208 BLTTDS; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện: Ông H và L sau khi kết hôn thì sinh sống tại nhà chồng ở bản K, phường N, thành phố Đ; khoảng từ năm 2020 bà L bỏ về ở nhà bố mẹ tại bản N, xã N, thành phố Đ; gia đình không biết mâu thuẫn hai vợ chồng là vì lý do gì.

Bà L không trả lời thông báo thụ lý vụ án, vắng mặt tại các phiên làm việc tại Tòa án và các phiên tòa; tự từ bỏ quyền được trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của ông H, thể hiện bà L không có Th chí trong việc đoàn tụ với ông H; có ý bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa ông H và bà L không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 39 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về con:

Cháu Vi Văn H đã đủ tuổi thành niên, khỏe mạnh và phát triển bình thường; các đương sự không có yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Cháu Vi Văn Th chưa đủ tuổi thành niên (*hơn 15 tuổi*), hiện đang sinh sống cùng bà nội. Ông H đang bị tạm giam, nên giao cháu Th cho bà L trực tiếp nuôi là phù hợp với hoàn cảnh thực tại, phù hợp nguyện vọng của cháu và có căn cứ theo Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình. Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải

quyết về cấp dưỡng nuôi con, thực tế ông H đang bị tạm giam, cháu Th đang sinh sống cùng bà nội, nên không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này; nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông Vi Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn của mình theo Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn H:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Vi Văn H và bà Lò Thị L.

- Về con: Giao con chung Vi Văn Th - sinh ngày 22/6/2007 cho bà Lò Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nếu có yêu cầu về việc này, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Ông Vi Văn H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002000 ngày 29/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ; ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/9/2022; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;
thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND TP ĐBP;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- UBND phường Nam Thanh, thành phố ĐBP
(khi có hiệu lực);
- L hồ sơ vụ án;
- Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung